

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2021/DS-ST

Ngày: 02-4-2021

“V/v tranh chấp dân sự về
hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;

Bà Nguyễn Thị Anh Đào.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: ông Chau Rét – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị T, sinh năm 1980, nơi cư trú: k2, p7, thành phố B, tỉnh B, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Văn C, sinh năm 1982, nơi cư trú: T6, k2, thị trấn C, huyện T, tỉnh A (theo giấy ủy quyền chứng thực ngày 10/8/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C), có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Mỹ C, sinh năm 1981, nơi cư trú: T6, đường TT k2, thị trấn C, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 13 tháng 8 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Đại diện theo ủy quyền của*

nguyên đơn ông Ngô Văn C trình bày: Bà Phạm Thị Mỹ C có vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) của bà Ngô Thị T, việc thỏa thuận vay có làm biên nhận tiền ngày 23/4/2020 do bà C tự ghi và ký tên, có ông Đỗ Thanh T là người chứng kiến. Thời hạn vay là 3 tháng (kể từ ngày 23/4/2020), không thỏa thuận lãi suất, đến thời hạn trả nợ thì bà Phạm Thị Mỹ C không trả theo thỏa thuận, đến nay bà Phạm Thị Mỹ C vẫn còn nợ bà Ngô Thị T số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Nên bà Ngô Thị T yêu cầu bà Phạm Thị Mỹ C phải trả ngay số tiền vốn vay là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

- Về tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu: Bản gốc tờ biên nhận; Văn bản lập vi bằng số 45/VB-TPT ngày 13/8/2020 của Văn phòng Thừa phát lại L.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Phạm Thị Mỹ C, đều vắng mặt không có ý kiến trình bày.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ theo triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hợp đồng vay: Vào ngày 23/4/2020, xuất phát chỗ quen biết nhau bà T đã cho bà C vay mượn số tiền 200.000.000 đồng. Các bên có lập biên nhận, do bà C ghi và ký nhận, trên sơ sở có xác nhận của người làm chứng là ông Đỗ Thanh T. Như vậy, hợp đồng này được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Về tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được:* Biên bản xác minh nơi cư trú tại Ban khóm 2, thị trấn C, huyện T ngày 06/01/2021; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng ngày 14/01/2021.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên ý kiến;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn có nơi cư trú tại k2, thị trấn C, huyện T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ C đã được triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay, thuộc trường hợp tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hợp đồng vay: Xuất phát từ chỗ quen biết với nhau, do tin tưởng nên vào ngày 23/4/2020 bà T có cho bà C vay số tiền 200.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi, thời hạn vay: 03 tháng, khi đưa tiền tại nhà bà T thuộc t6, k2, thị trấn C, huyện T có lập biên nhận do bà C viết và ký tên, có sự chứng kiến của ông Đỗ Thanh T (là người làm công cho bà T). Như vậy, xét về hợp đồng vay tiền giữa bà T và bà C được giao kết trên cơ sở tự nguyện; nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội; các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Theo nguyên đơn trình bày từ khi vay đến nay bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, hiện nay vắng mặt tại địa phương đã hơn 01 năm. Do đó không tiến hành, ghi lời khai và hòa giải được, tuy nhiên từ lời trình bày của bị đơn, chứng cứ là tờ biên nhận ghi ngày 23/4/2020 có nội dung: *“Tôi tên Phạm Thị Mỹ CHôm nay ngày 23/4/2020 tôi có mượn của em Thêm số tiền (200.000.000) thành tiền (hai trăm triệu đồng tiền mặt). Tôi hứa trong 3 tháng sẽ trả lại...”*. Chứng cứ này cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Đỗ Thanh T, xác nhận: *“Tại mặt sau của tờ biên nhận là do ông ghi và ông có chứng kiến bà T có đưa tiền cho bà C mượn số tiền 200.000.000 đồng”*. Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn vay số tiền 200.000.000 đồng của nguyên đơn là có thật.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ bà C không trả nợ như thỏa thuận, nên ngày 11/8/2020 nguyên đơn đã thông báo yêu cầu trả tiền đối với bị đơn, sự việc này được thực hiện công khai lập vi bằng số 45/VB-TPL ngày 13/8/2020 của Văn phòng Thừa phát lại Long Xuyên. Như vậy, xét về thời hạn trả nợ trong 03 tháng kể từ khi vay, đến khi nguyên đơn thông báo là khoảng thời gian hợp lý và phù hợp. Từ lời trình bày, chứng cứ có cơ sở xác định giao dịch này thuộc hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 BLDS.

[2.2] Về nghĩa vụ: Do bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn nợ là có căn cứ pháp luật được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả, nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Theo ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định pháp luật, Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 280, 466 và khoản 1 Điều 470 BLDS;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T.

Buộc bà Phạm Thị Mỹ C phải trả cho bà Ngô Thị T số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Mỹ C phải chịu 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) tiền án phí.

Bà Ngô Thị T không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm ngàn đồng*) đã nộp theo phiếu thu số TU/2019/0005825 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời

hạn kháng cáo tính từ tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tỉnh Biên;
- TA tỉnh An Giang;
- THADS h.Tỉnh Biên;
- Lưu HS & VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ